

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÈO VẠC
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2025

"Về tranh chấp Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Yên

Các Hội thẩm nhân dân: bà Sùng Thị Máy, ông Ngô Chí Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Mua Mí Chứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Vàng Mí Chứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị S, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện M, tỉnh H;

CCCD số 00..., Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày ...; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Sùng Mí N, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn L, xã S, huyện M, tỉnh H;

Số định danh cá nhân: 00...; có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Sùng Nhà M1, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn L, xã S, huyện M, tỉnh H; có mặt.

- Giàng Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn L, xã S, huyện M, tỉnh H; có mặt.

*** Người phiên dịch:** Vàng Minh Chương, sinh năm 1978, địa chỉ: thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2024, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Sông trình bày:

Chị và anh Sùng Mí N kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang. Thời gian vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, không hợp với nhau, năm 2020 chồng chị đi lao động ở tỉnh Bình Dương, chồng chị nghi ngờ chị ngoại tình, không cho chị dùng điện

thoại, chị ốm chồng chị không quan tâm, gia đình chồng cũng đối xử không tốt với chị, không biết đi đâu chị mới về nhà ngoại ở. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Mí N.

Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Sùng Thị K sinh ngày .../.../2014, cháu Sùng Thị N1 sinh ngày .../.../2019. Sau khi ly hôn chị mong muốn được nuôi cháu Sùng Thị N1, còn cháu Sùng Thị K anh Sùng Mí N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Còn nếu anh Sùng Mí N nuôi cả hai con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng chị không có, không đề nghị giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2024, 25/02/2025 bị đơn Sùng Mí N trình bày: anh và chị Vũ Thị S kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, khoảng năm 2021 anh đi làm thuê tại Bình Dương, lúc về thì đã thấy vợ bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh có nghe mẹ anh kể lại là mẹ nhắc con dâu làm việc nhà nhưng con dâu không làm mà bỏ đi, anh có qua đón vợ 09 lần nhưng vợ không về. Việc vợ đi ngoại tình anh chỉ nghe mẹ đẻ anh kể lại cho anh, anh không tận mắt nhìn thấy, không biết người đó là ai. Lời khai đầu anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với vợ, lời khai sau anh đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh nhất trí ly hôn theo đơn của vợ.

Về con chung vợ chồng anh có hai con như chị S trình bày, vợ chồng đã tự thỏa thuận và thống nhất anh là người trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu vợ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh nhất trí nuôi hai con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công nợ chung vợ chồng anh không có, không đề nghị giải quyết.

Anh không có đề nghị gì.

Người làm chứng Sùng Nhì M1: ông là bố đẻ của anh Sùng Mí N, bố chồng của chị Vũ Thị S, vợ chồng anh N chị S sống hòa thuận, hạnh phúc. Ông nghi ngờ con dâu có người tình, chị S thường xuyên dùng điện thoại gọi cho người tình, gia đình ông ngăn cản nên chị S mới bỏ sang nhà bố mẹ đẻ, chị S bỏ đi trước khi anh N lao động ở ngoài tỉnh về nhà. Anh N cũng đã 09 lần đi đón nhưng chị S không về, vợ chồng ông cũng có 01 lần đi đón chị S. Việc vợ chồng chị S anh N ly hôn ông không có ý kiến gì, tùy các con.

Người làm chứng Giàng Thị P: bà là mẹ đẻ của anh N, là mẹ chồng của chị S. Vợ chồng con trai sống hòa thuận, chỉ sau khi anh N đi làm thuê ở ngoài tỉnh do dịch bệnh covid không về được vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, bà cho rằng con dâu nói dối bà và bỏ đi lang thang ở đâu không nói cho bà biết, con dâu thường đi chơi không về chăm con cái, làm việc gia đình, bà có điện cho anh N đề nhắc nhở vợ, anh N có điện thoại cho vợ, sau đó trong nhà có xảy ra xô sát, chị S bỏ về nhà mẹ đẻ, con trai và gia đình có đi đón tổng là 09 lần nhưng chị S không về, bỏ đi cho đến nay. Bà đồng ý việc con trai, con dâu ly hôn, dù sao con dâu cũng đã bỏ đi lâu rồi.

Cháu Sùng Thị K có ý kiến muốn được ở với bố, bố có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn so với mẹ.

Anh Vàng Mí C cán bộ phụ trách thôn L cho biết, do mẹ chồng, em trai anh N nghi chị S đi ngoại tình với người khác nên đã đánh chị S, chị S đã bỏ nhà đi được 04 đến 05 năm nay không quay về nhà anh N.

Xác minh tại thôn, anh N đi làm thuê, chị S ở nhà chăm sóc, nuôi dưỡng con cái được một thời gian thì chị S bỏ đi nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng 03 năm, sau đó anh N có đi đón nhưng chị S không về, sau đó chị S bỏ đi lang thang cho đến bây giờ. Lý do chị S bỏ nhà đi thôn không biết, chị S anh N không có báo cáo.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Sùng Mí N tự ý bỏ về giữa chừng. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, điều 28, 35, 39, 147, 227, 229, 271, 273 BLTTDS, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, tại phiên tòa các đương sự nhất trí thuận tình ly hôn, nhất trí anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Sùng Thị N1 sinh ngày .../.../2019, Sùng Thị K sinh ngày .../.../2014 và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận này của các đương sự, tài sản chung, công nợ chung không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét; chị Vũ Thị S chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Vũ Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Sùng Mí N, là tranh chấp được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Mèo Vạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị S và anh Sùng Mí N xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/11/2019 tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị S: Mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra sau khi anh Sùng Mí N đi lao động ở Bình Dương năm 2021, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan hệ giữa chị S và gia đình nhà chồng cũng không hòa thuận, chị S đã bỏ về nhà ngoại ở khoảng 04 – 05 năm nay, anh N đã nhiều lần đi đón nhưng chị S kiên quyết không về, hiện tại hai anh chị không chung sống

cùng nhau, không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, chị Vừ Thị S kiên quyết xin ly hôn, thấy rằng đời sống chung vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn, xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, được chấp nhận.

[4] Con chung: cháu Sùng Thị K muốn ở với bố, tại phiên tòa anh N chị S nhất trí: anh Sùng Mí N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Sùng Thị K và Sùng Thị N1, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, được chấp nhận.

[5] Tài sản chung: anh chị không có, chị Vừ Thị S không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Công nợ chung: anh chị không có, chị S không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: chị Vừ Thị S phải chịu án phí theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; khoản 1 điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; 147; khoản 2 điều 227; 229; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận: chị Vừ Thị S và anh Sùng Mí N thuận tình ly hôn.

2. Con chung: Công nhận sự thỏa thuận:

Anh Sùng Mí N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là các cháu Sùng Thị N1 sinh ngày .../.../2019 và Sùng Thị K sinh ngày .../.../2014 cho cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Chị Vừ Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Sùng Mí N.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Công nợ chung: Không có, không xem xét.

5. Án phí: chị Vũ Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003763 ngày 20/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Sủng Trà);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Yên